

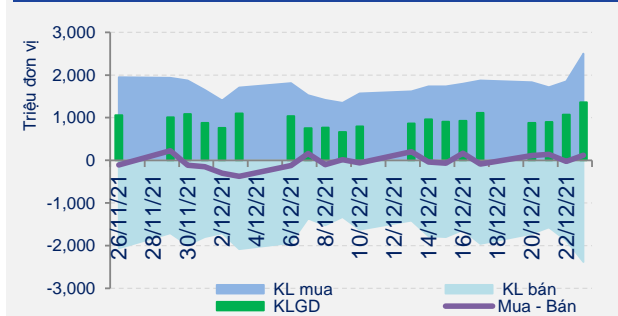
# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 23/12/2021

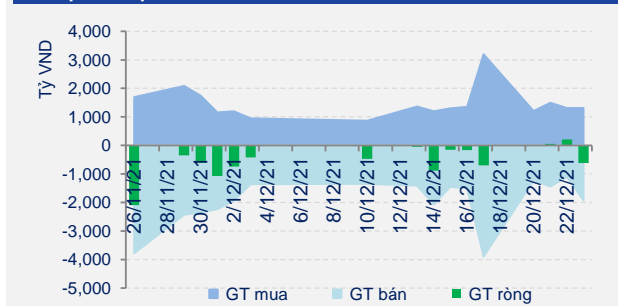
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,456.96	442.61
% Thay đổi	↓ -1.40%	↓ -2.32%
KLGD (CP)	1,361,006,835	168,841,733
GTGD (tỷ đồng)	45,580.54	4,624.79
Tổng cung (CP)	2,382,629,000	222,088,600
Tổng cầu (CP)	2,501,909,900	193,496,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	38,963,558	4,427,740
KL mua (CP)	27,592,858	485,300
GT mua (tỷ đồng)	1,310.67	13.52
GT bán (tỷ đồng)	1,931.50	270.03
GT ròng (tỷ đồng)	(620.83)	(256.51)

## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -1.20%	24.2	3.8	1.5%
Công nghiệp	↓ -0.62%	24.1	3.1	16.6%
Dầu khí	↑ 1.35%	18.5	1.9	1.5%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.00%	-	10.3	2.8%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.63%	18.1	2.9	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.32%	23.6	4.2	18.2%
Ngân hàng	↓ -1.19%	11.4	2.3	8.1%
Nguyên vật liệu	↓ -0.06%	11.3	2.7	11.6%
Tài chính	↓ -3.09%	22.1	3.7	36.3%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -0.46%	16.8	2.6	2.9%
VN - Index	↓ -1.40%	17.5	3.2	
HNX - Index	↓ -2.32%	25.1	4.9	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm mạnh trong phiên hôm nay với thanh khoản gia tăng. Cụ thể, VN-Index giảm 20,71 điểm (-1,4%) xuống 1.456,96 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 169 mã tăng, 36 mã tham chiếu, 343 mã giảm. HNX-Index giảm 10,49 điểm (-2,32%) xuống 442,61 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tiêu cực với 102 mã tăng, 41 mã tham chiếu, 162 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.428 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 42.307 tỷ đồng. Thị trường tăng nhẹ vào đầu phiên, nhưng áp lực bán gia tăng sau đó đã khiến thị trường đảo chiều xuống sắc đỏ và kết phiên với mức giảm tương đối mạnh. Nhóm cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán và thép tiếp tục bị bán và đồng loạt, có thể kể đến các mã như TCB (-3,2%), VPB (-3,6%), STB (-0,9%), MBB (-1,3%), SHB (-3,4%), MSB (-1,3%), HDB (-3,8%), TPB (-3,4%), OCB (-3,7%)...; HPG (-0,3%), NKG (-3,5%), KSB (-1,9%), TLH (-0,7%)...; SSI (-4,1%), VND (-5,4%), SHS (-4,3%), VCI (-4,2%), VIX (-4,8%), HCM (-3,6%)... Cổ phiếu bất động sản sau khi tăng khá tốt vào đầu phiên cũng chịu áp lực bán và nhiều mã đảo chiều giảm, thậm chí giảm sàn như CII (-6,9%), DXG (-7%), CEO (-9,9%), DIG (-7%), IDJ (-9,8%)... Điểm sáng trong phiên là nhóm dầu khí với nhiều mã ngược dòng tăng mạnh như BSR (+4,1%), PVS (+3,1%), PVD (+6,9%), OIL (+3,6%), PVC (+8,8%), PSH (+2,2%)...

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Mỹ tăng khá tốt trong phiên đêm qua với việc cả ba chỉ số chính đều tăng trên dưới 1%. Nhưng rõ ràng là điều này đã không có ảnh hưởng gì đến diễn biến trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Áp lực bán gia tăng khiến thị trường giảm tương đối mạnh và chỉ số VN-Index (-1,4%) đã đánh mất hỗ trợ ngắn hạn quanh 1.470 điểm (MA20). Rất may là hỗ trợ trung hạn quanh 1.450 điểm (MA50) đã giúp thu hẹp mức giảm của chỉ số. Khối lượng khớp lệnh trên hai sàn trong phiên hôm nay đạt hơn 1,4 tỷ cổ phiếu là mức cao thứ 3 trong lịch sử (chỉ thấp hơn phiên 3/11 và 19/11). Trên góc nhìn kỹ thuật, diễn biến phiên hôm nay khá giống với diễn biến trong phiên 6/12 nên có thể kỳ vọng trong phiên giao dịch cuối tuần 24/12, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại nếu như hỗ trợ trung hạn quanh 1.450 điểm (MA50) được giữ vững. Nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải đã nâng tỷ trọng lên mức cao khi tham gia bắt đáy trong phiên 6/12 có thể tiếp tục nắm giữ cổ phiếu và đứng ngoài quan sát thị trường.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 23/12/2021

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index tăng nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 1.481,21 điểm. Nhưng ngay sau đó, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.447,14 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 20,71 điểm (-1,4%) xuống 1.456,96 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VHM giảm 3.200 đồng, VIC giảm 3.600 đồng, NVL giảm 3.700 đồng. Ở chiều ngược lại, CTG tăng 550 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index cũng tăng nhẹ vào đầu phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 454,02 điểm. Nhưng sau đó, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 440,97 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 10,49 điểm (-2,32%) xuống 442,61 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: CEO giảm 6.500 đồng, THD giảm 2.000 đồng, SHS giảm 2.100 đồng. Ở chiều ngược lại, PVS tăng 800 đồng.

## GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 626,38 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 11 triệu cổ phiếu. MSN là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 190,9 tỷ đồng tương ứng với 1,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là KBC với 94 tỷ đồng tương ứng với 1,6 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HDG là mã được mua ròng nhiều nhất với 35,2 tỷ đồng tương ứng với 535 nghìn cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 254,25 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 3,9 triệu cổ phiếu. CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 248,3 tỷ đồng tương ứng với 4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là THD với 10,4 tỷ đồng tương ứng với 42 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 3,8 tỷ đồng tương ứng với 78 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index giảm mạnh trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra là tương đối mạnh, rất may là cầu bắt đáy quanh ngưỡng 1.450 điểm (MA50) là khá tốt đã giúp thu hẹp mức giảm.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giảm mạnh này thì chỉ số VN-Index đã đạt mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn quanh 1.470 điểm (MA20), điều này khiến cho xu hướng tăng của thị trường bị suy yếu. Tuy nhiên, nếu như ngưỡng hỗ trợ trung hạn quanh 1.450 điểm (MA50) được giữ vững trong các phiên tiếp theo thì thị trường có thể hồi phục trở lại.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần test lại ngưỡng hỗ trợ trung hạn quanh 1.450 điểm (MA20) và xa hơn là ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.400 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 24/12, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại nếu như ngưỡng hỗ trợ trung hạn quanh 1.450 điểm (MA50) được giữ vững.



## TIN TRONG NƯỚC

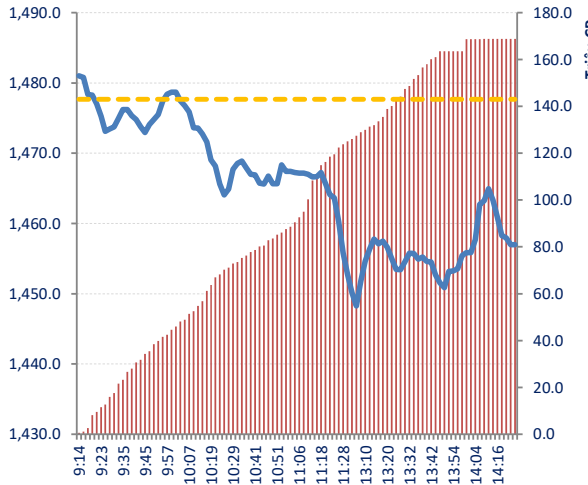
<b>Giá vàng trong nước đi ngang</b>	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 60,9 - 61,5 triệu đồng/lượng, tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 100.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
<b>Tỷ giá trung tâm tăng 10 đồng</b>	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 23/12 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.193 VND/USD, tăng 10 đồng so với hôm qua.

## TIN QUỐC TẾ

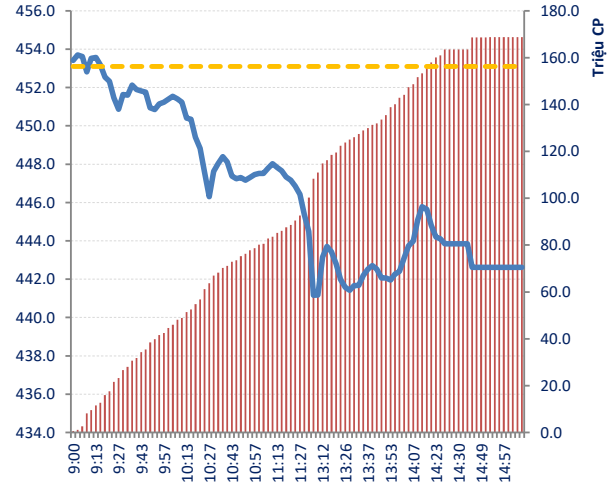
<b>Giá vàng thế giới tăng</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 5,85 USD/ounce tương ứng với 0,34% lên 1.808,35 USD/ounce.
<b>Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng</b>	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,081 điểm tương ứng 0,08% lên 96,14 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1315 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3385 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 114,28 JPY.
<b>Giá dầu thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,2 USD/thùng tương ứng với 0,29% xuống 72,54 USD/thùng.
<b>Chứng khoán Mỹ tăng điểm</b>	Kết thúc phiên giao dịch ngày 22/12, Dow Jones tăng 261,19 điểm tương đương 0,74% lên 35.753,89 điểm. Nasdaq tăng 180,8 điểm tương đương 1,18% lên 15.521,89 điểm. Nasdaq Composite tăng 47,33 điểm tương đương 1,02% lên 4.696,56 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

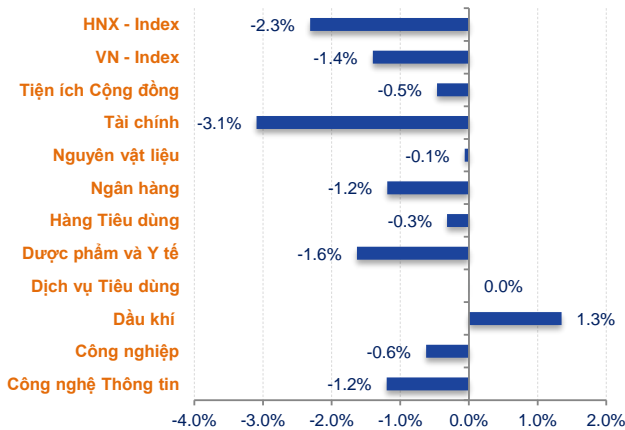
KLGD và VN-Index trong phiên



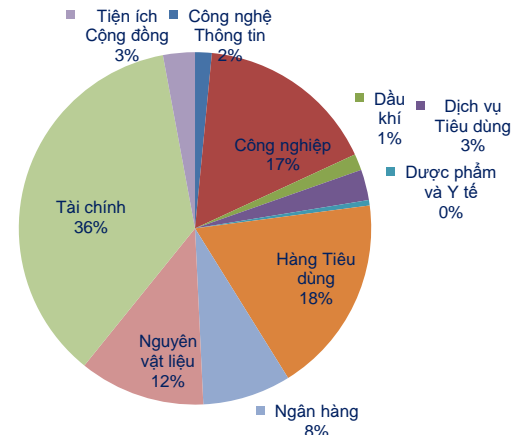
KLGD và HNX-Index trong phiên



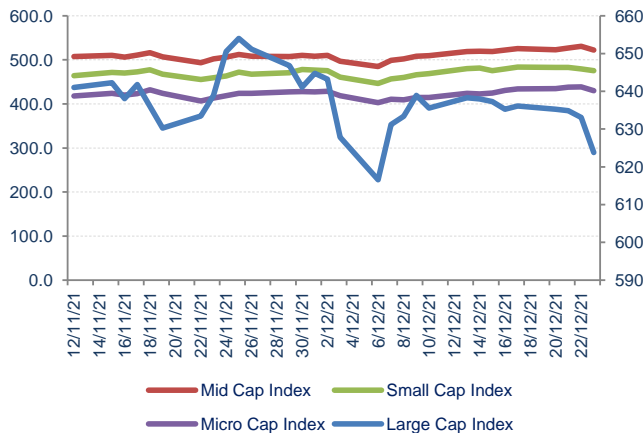
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



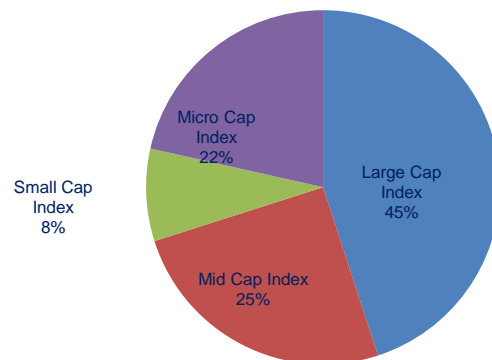
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VRE	891,700	KBC	1,576,400
2	CRE	693,500	DXG	1,289,600
3	HDG	535,400	MSN	1,102,300
4	E1VFN30	488,200	BID	986,800
5	HDB	453,100	ROS	921,300

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MBG	145,000	CEO	3,994,100
2	PVI	78,100	KLF	121,600
3	BVS	31,300	THD	42,300
4	BTS	20,600	DL1	38,200
5	IVS	12,200	API	26,600

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ROS	12.85	13.20	↑ 2.72%	64,426,300
HAG	14.50	14.90	↑ 2.76%	45,357,300
POW	19.00	18.50	↓ -2.63%	44,696,200
HQC	9.10	9.07	↓ -0.33%	38,485,900
VHM	85.70	82.50	↓ -3.73%	36,389,260

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	8.50	8.20	↓ -3.53%	16,608,669
CEO	65.80	59.30	↓ -9.88%	13,356,579
PVS	25.80	26.60	↑ 3.10%	9,874,873
SHS	49.30	47.20	↓ -4.26%	9,764,153
MBG	16.20	16.60	↑ 2.47%	6,501,147

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
AAA	20.00	21.40	1.40	↑ 7.00%
LCM	8.44	9.03	0.59	↑ 6.99%
VPH	12.90	13.80	0.90	↑ 6.98%
TTF	12.90	13.80	0.90	↑ 6.98%
VCG	50.30	53.80	3.50	↑ 6.96%

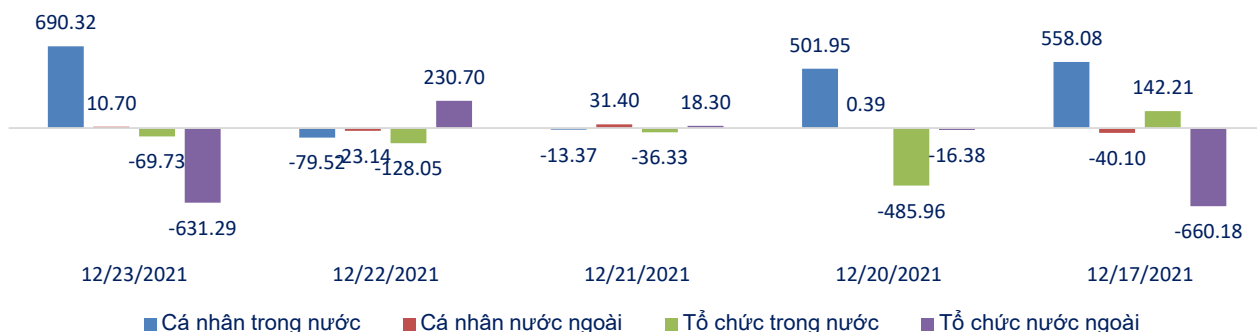
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDA	31.00	34.10	3.10	↑ 10.00%
HEV	26.10	28.70	2.60	↑ 9.96%
SD9	14.10	15.50	1.40	↑ 9.93%
TPH	12.10	13.30	1.20	↑ 9.92%
MHL	7.10	7.80	0.70	↑ 9.86%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DXG	36.50	33.95	-2.55	↓ -6.99%
DTA	25.80	24.00	-1.80	↓ -6.98%
SVC	141.00	131.20	-9.80	↓ -6.95%
DIG	96.30	89.60	-6.70	↓ -6.96%
CEE	18.00	16.75	-1.25	↓ -6.94%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MKV	14.00	12.60	-1.40	↓ -10.00%
CMS	34.00	30.60	-3.40	↓ -10.00%
CEO	65.80	59.30	-6.50	↓ -9.88%
API	68.90	62.10	-6.80	↓ -9.87%
IDJ	42.70	38.50	-4.20	↓ -9.84%

(\*) Giá điều chỉnh

**Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)**

**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
APH	263.83	1.6%	442	84.8	1.2
KBC	152.43	6.0%	1,522	39.4	2.3
MSN	130.12	8.4%	2,032	83.6	6.2
CII	127.83	0.5%	177	237.7	1.3
DXG	98.88	7.5%	1,406	26.0	1.7

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-81.48	24.6%	6,071	22.2	5.1
GEX	-73.46	8.6%	1,754	21.0	1.6
SSB	-71.28	16.9%	1,850	21.1	3.3
SSI	-53.67	16.5%	2,038	25.1	3.7
TPB	-47.53	23.1%	3,144	12.1	1.8

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	4.31	44.7%	7,085	6.4	2.4
VHM	3.74	38.3%	8,968	9.6	3.1
VCG	3.39	6.8%	1,223	41.1	2.9
KBC	3.05	6.0%	1,522	39.4	2.3
VND	3.00	19.6%	2,213	37.6	4.2

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGW	-4.81	31.6%	4,739	25.5	7.3
ASM	-3.80	8.2%	2,263	10.0	0.8
AAA	-3.60	6.0%	997	20.1	1.2
HQC	-3.34	0.1%	9	1,029.5	1.0
ROS	-3.21	3.1%	324	39.6	1.2

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	95.90	8.6%	1,754	21.0	1.6
MWG	81.48	24.6%	6,071	22.2	5.1
SSB	71.35	16.9%	1,850	21.1	3.3
MSN	57.60	8.4%	2,032	83.6	6.2
KDH	46.96	13.4%	1,888	27.4	3.4

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
APH	-260.33	1.6%	442	84.8	1.2
CII	-125.06	0.5%	177	237.7	1.3
KBC	-58.55	6.0%	1,522	39.4	2.3
DXG	-54.00	7.5%	1,406	26.0	1.7
HDC	-40.25	26.2%	3,957	25.0	6.2

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDG	35.22	17.6%	4,088	16.3	2.7
DGC	34.14	29.1%	7,717	21.1	5.4
CRE	30.27	19.7%	3,707	11.1	1.7
VRE	27.73	7.2%	954	33.0	2.3
VNM	14.90	31.0%	5,037	17.0	5.3

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-187.18	8.4%	2,032	83.6	6.2
KBC	-96.93	6.0%	1,522	39.4	2.3
GAS	-61.04	16.9%	4,384	21.7	3.6
TVS	-47.20	36.5%	4,858	12.5	3.7
DXG	-44.98	7.5%	1,406	26.0	1.7





## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	64,426,300	3.1%	324	39.6	1.2
HAG	45,357,300	3250.0%	(1,220)	-	2.7
POW	44,696,200	8.6%	1,167	16.3	1.4
HQC	38,485,900	0.1%	9	1,029.5	1.0
VHM	36,389,260	38.3%	8,968	9.6	3.1

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	16,608,669	0.1%	6	1,398.7	0.8
CEO	13,356,579	-4.7%	(606)	-	5.2
PVS	9,874,873	4.6%	1,238	20.8	0.9
SHS	9,764,153	25.5%	3,118	15.8	2.5
MBG	6,501,147	4.0%	422	38.4	1.5

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
AAA	↑ 7.0%	6.0%	997	20.1	1.2
LCM	↑ 7.0%	1.3%	122	69.0	0.9
VPH	↑ 7.0%	-0.1%	(9)	-	1.2
TTF	↑ 7.0%	0.0%	(94)	-	-
VCG	↑ 7.0%	6.8%	1,223	41.1	2.9

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SDA	↑ 10.0%	3.3%	243	127.4	4.2
HEV	↑ 10.0%	11.4%	1,832	14.2	1.6
SD9	↑ 9.9%	0.9%	211	66.9	0.6
TPH	↑ 9.9%	7.7%	928	13.0	1.0
MHL	↑ 9.9%	1.5%	185	38.3	0.7

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	891,700	7.2%	954	33.0	2.3
CRE	693,500	19.7%	3,707	11.1	1.7
HDG	535,400	17.6%	4,088	16.3	2.7
VFVN3	488,200	N/A	N/A	N/A	N/A
HDB	453,100	20.7%	2,813	9.9	1.9

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBG	145,000	4.0%	422	38.4	1.5
PVI	78,100	13.2%	4,306	11.6	1.6
BVS	31,300	7.7%	1,877	20.2	1.3
BTS	20,600	-0.4%	(42)	-	1.0
IVS	12,200	4.1%	412	44.0	1.8

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	378,999	2.9%	1,111	89.7	2.3
VHM	373,169	38.3%	8,968	9.6	3.1
VCB	363,931	20.4%	4,464	17.2	3.3
HPG	201,729	44.7%	7,085	6.4	2.4
MSN	200,691	8.4%	2,032	83.6	6.2

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	86,030	25.2%	4,694	52.4	14.9
IDC	23,100	11.8%	1,805	42.7	4.9
KSF	21,060	8.8%	757	92.8	3.5
VCS	18,560	41.5%	11,163	10.4	3.9
CEO	16,933	-4.7%	(606)	-	5.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SJF	3.47	0.5%	51	219.1	1.1
MHC	3.35	16.1%	2,331	6.0	1.0
ABS	3.00	6.5%	759	37.7	2.5
IDI	2.86	2.7%	363	40.6	1.1
HAI	2.70	0.7%	87	102.0	0.8

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDA	3.60	3.3%	243	127.4	4.2
APS	2.80	22.8%	1,660	20.9	2.9
PSW	2.76	21.5%	2,611	8.9	1.8
CMC	2.74	4.0%	525	27.8	1.1
IDJ	2.61	21.7%	2,623	16.3	3.5



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---